

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 11 đến 20/1/ 2025)

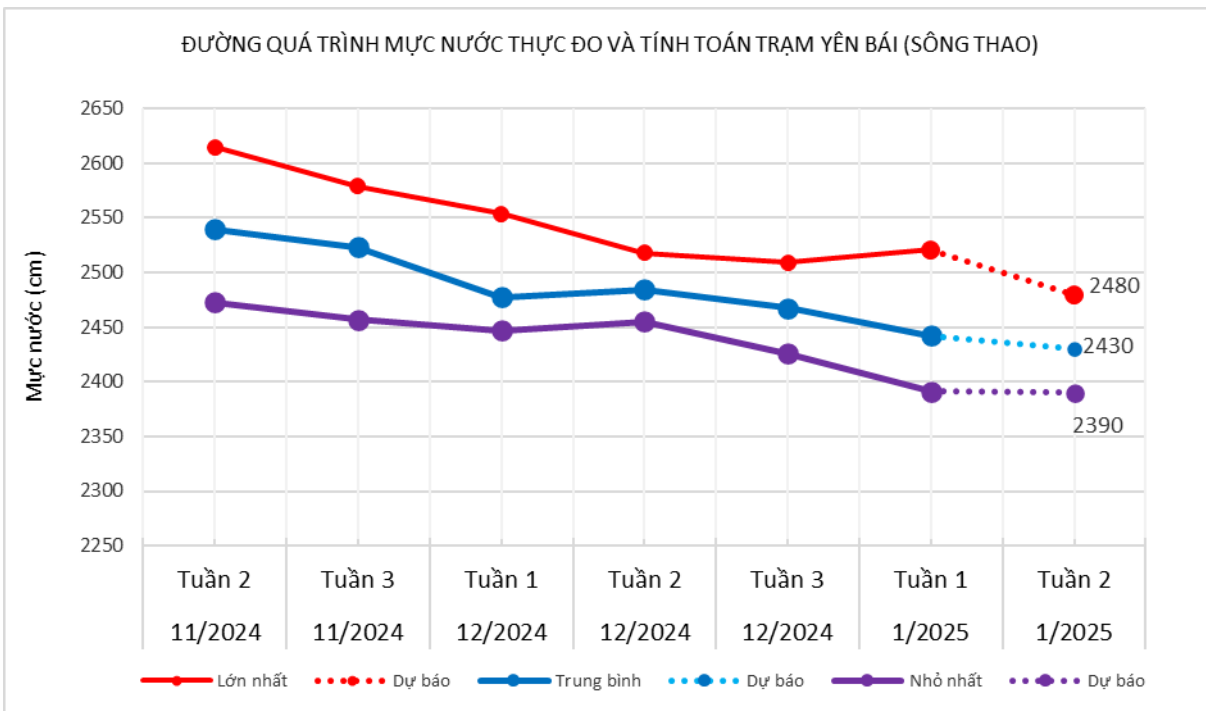
1. Khu vực miền Núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

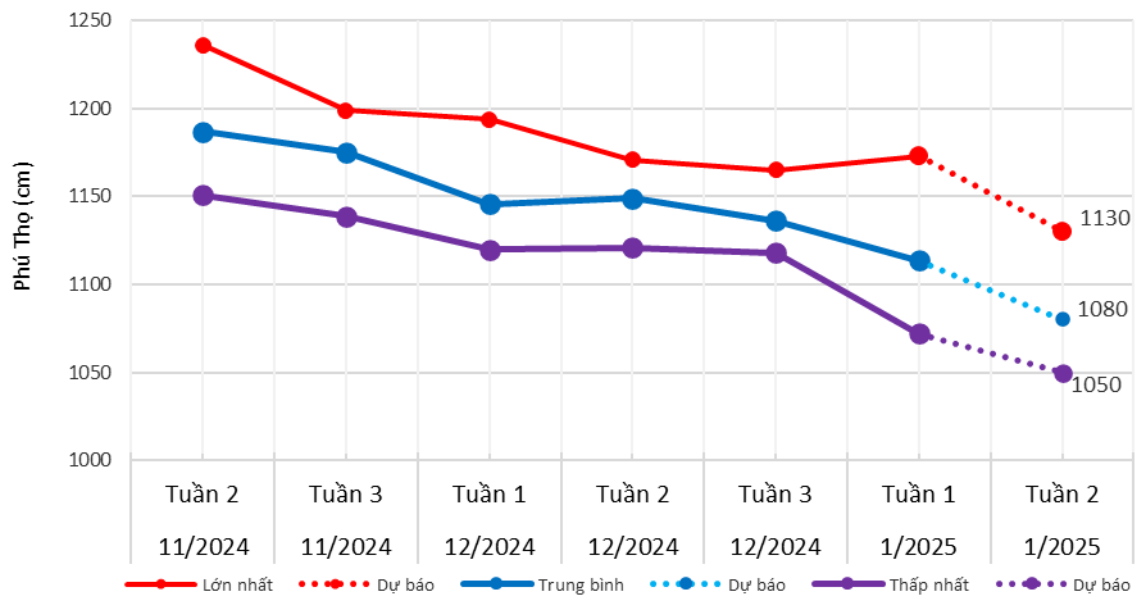
Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm. Mực nước sông Lô đang lên theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

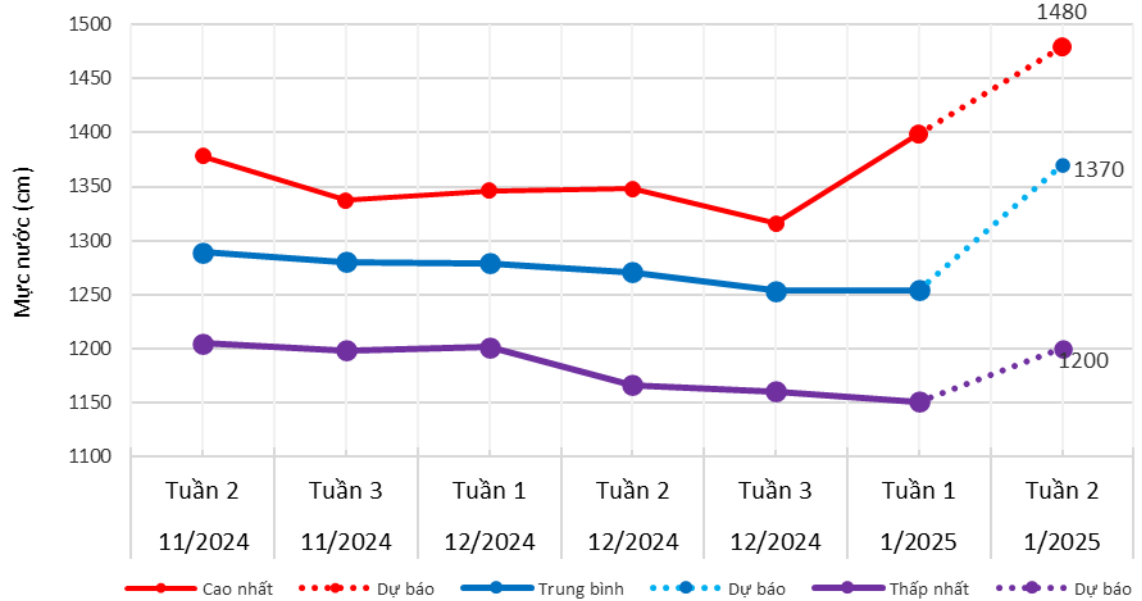
Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước sông Lô tiếp tục lên do thủy điện Tuyên Quang, Thác Bà tăng cường phát điện, phục vụ đồ ải vụ đông xuân đợt 1 (từ ngày 12 đến ngày 16), sau biến đổi chậm theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên.

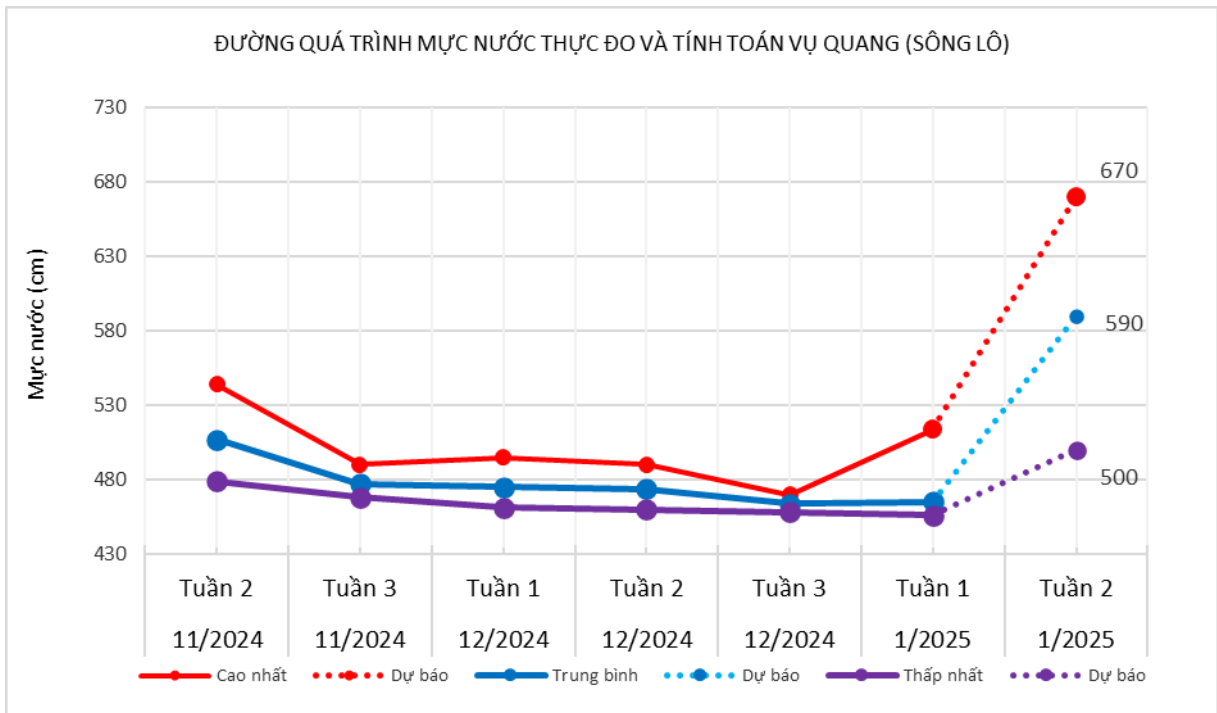


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHÚ THỌ (SÔNG THAO)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TUYỂN QUANG (SÔNG LÔ)





2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 10 ngày qua,

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Trên sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước trên sông Thái Bình biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội, sông Hoàng Long tại Bến Đé biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

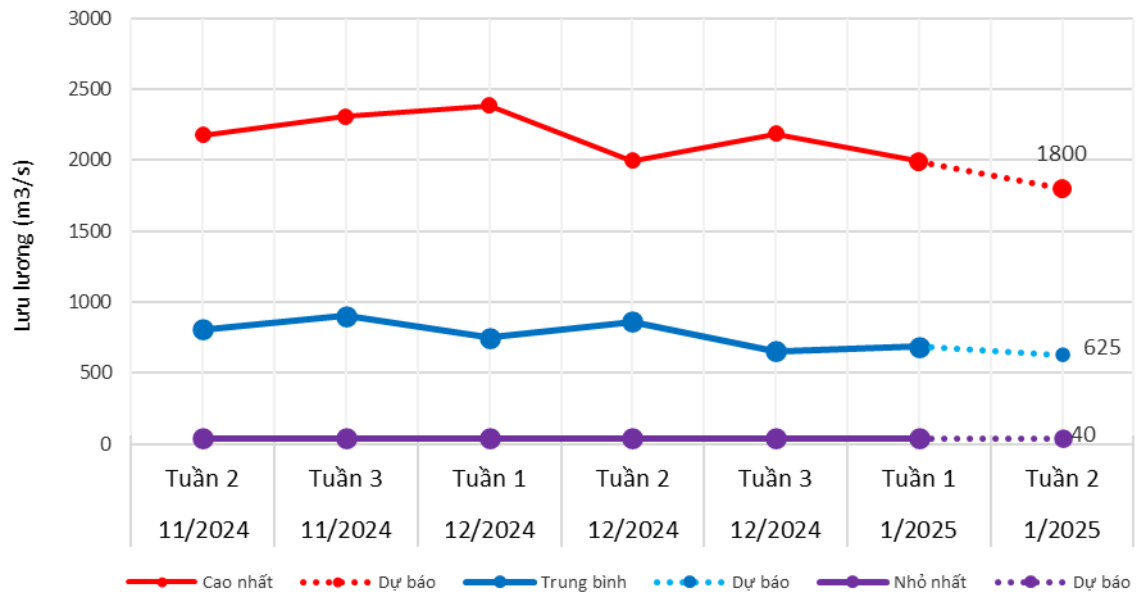
Trong 10 ngày tới:

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

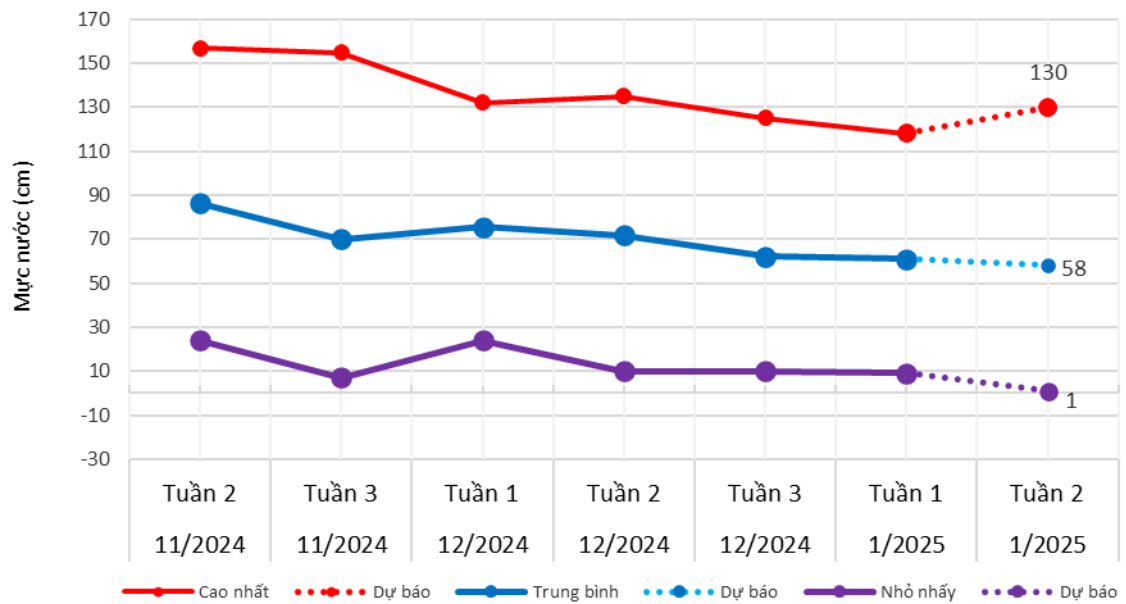
Mực nước hạ lưu sông Cầu, sông Thương, sông Lục nam và sông Thái Bình biến đổi ở mức thấp và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

Từ ngày 10-16/1 mực nước hạ lưu sông Hồng sẽ tăng dần do các hồ chứa thủy điện tăng cường phát điện phục vụ đồ ải vụ Đông Xuân 2024-205 lấy nước từ ngày 12-16/1. Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội sẽ tăng và trong thời kỳ này mực nước trung bình ở mức yêu cầu đạt 1,70m, mực nước sông Hoàng Long tại Bến Đé tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

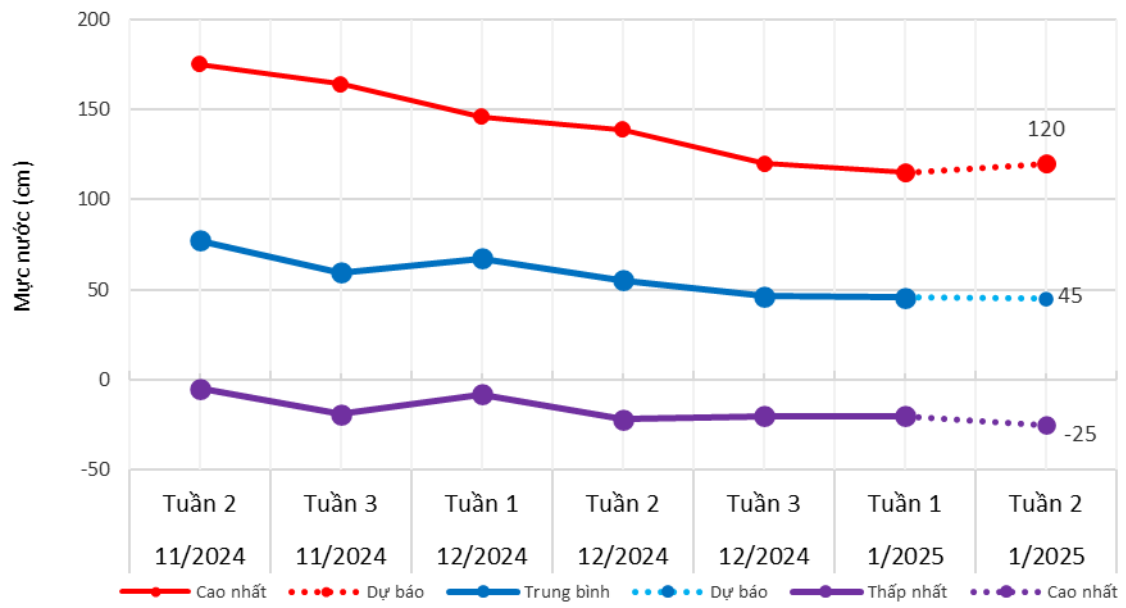
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



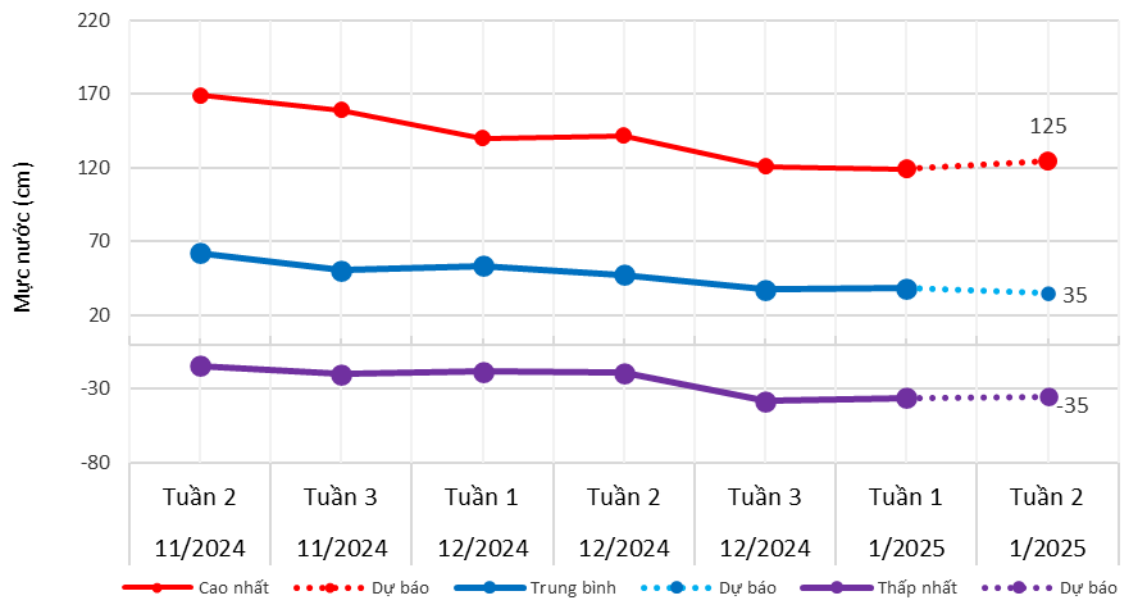
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN ĐÁP CẦU (SÔNG CẦU)



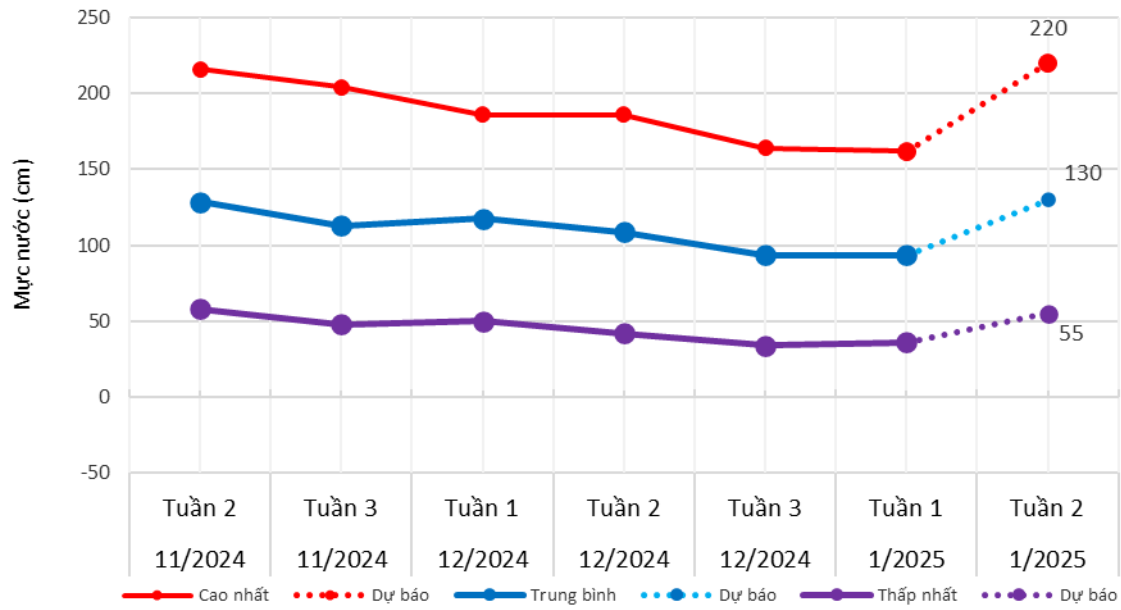
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHỦ LẠNG THƯƠNG (THƯƠNG)



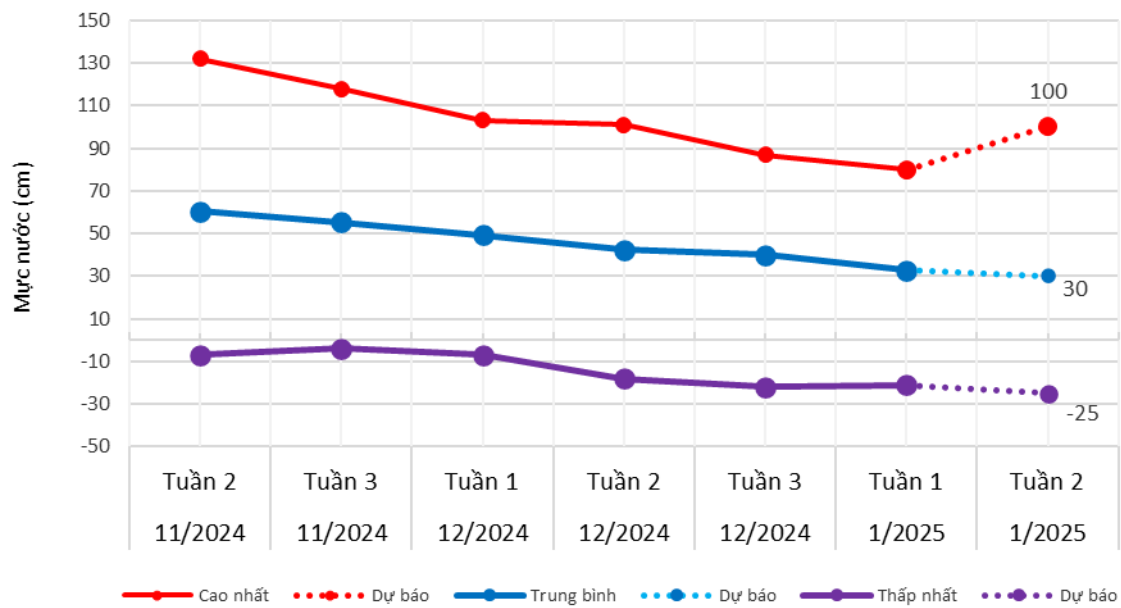
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN LỤC NAM (LỤC NAM)

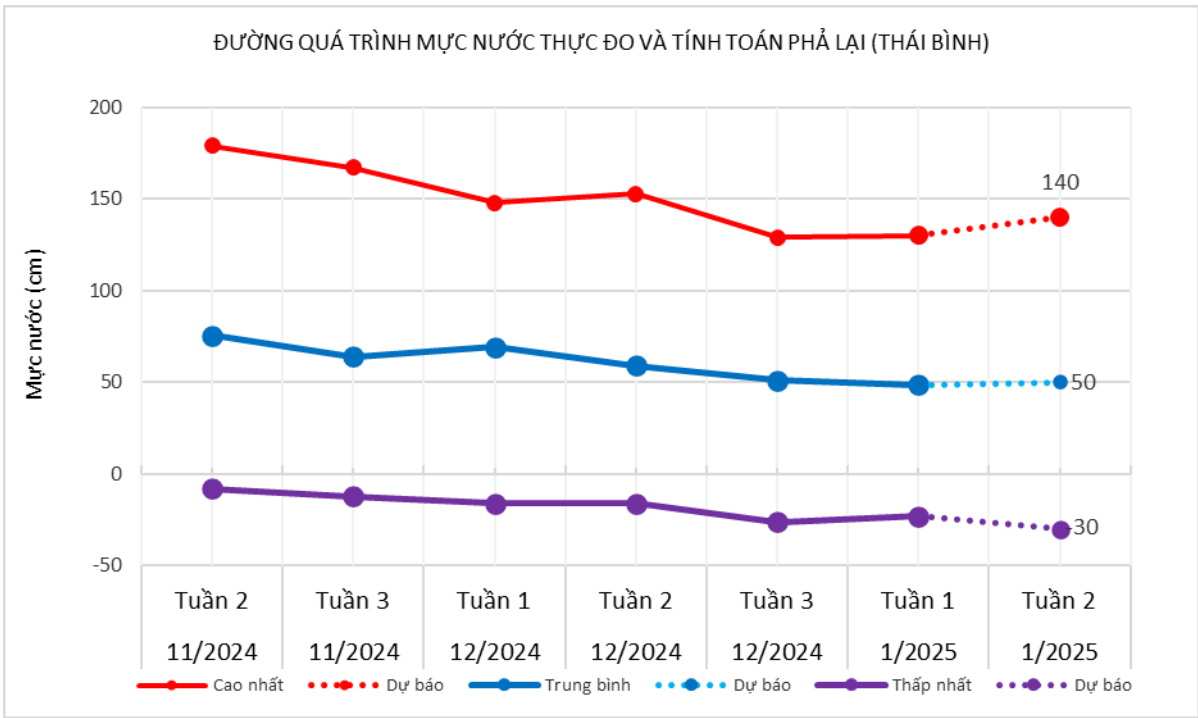


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN BẾN ĐỀ (SÔNG HOÀNG LONG)





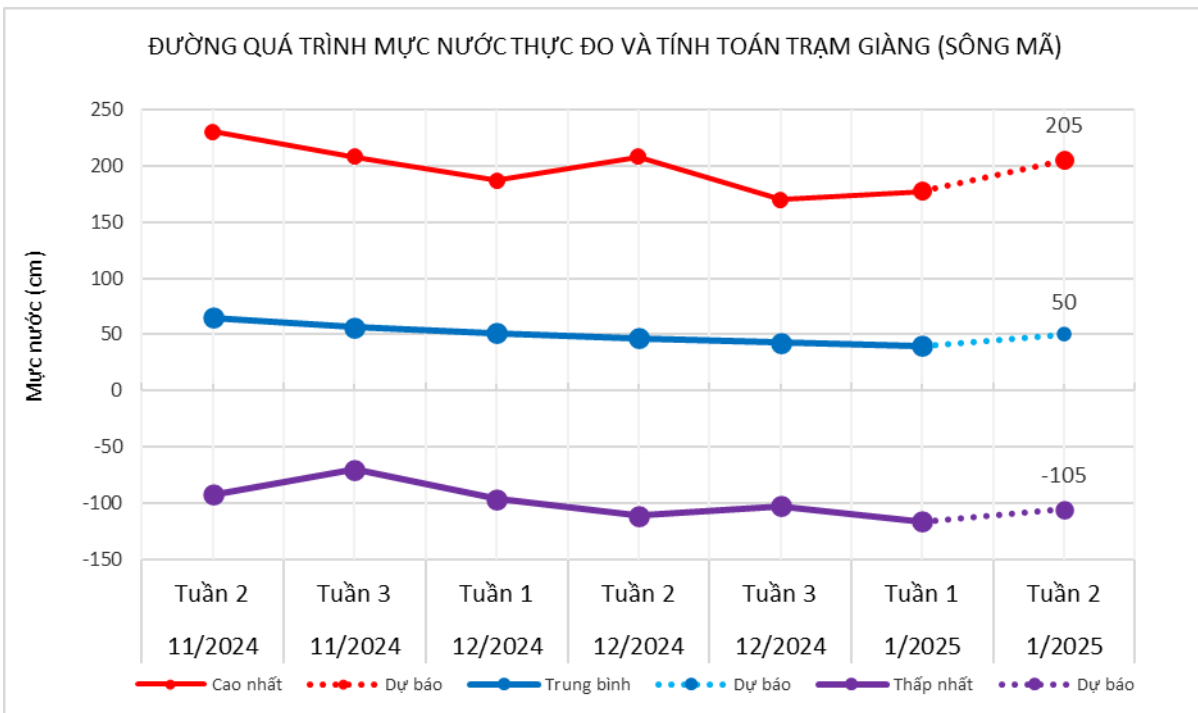
3. Khu vực Bắc Trung Bộ

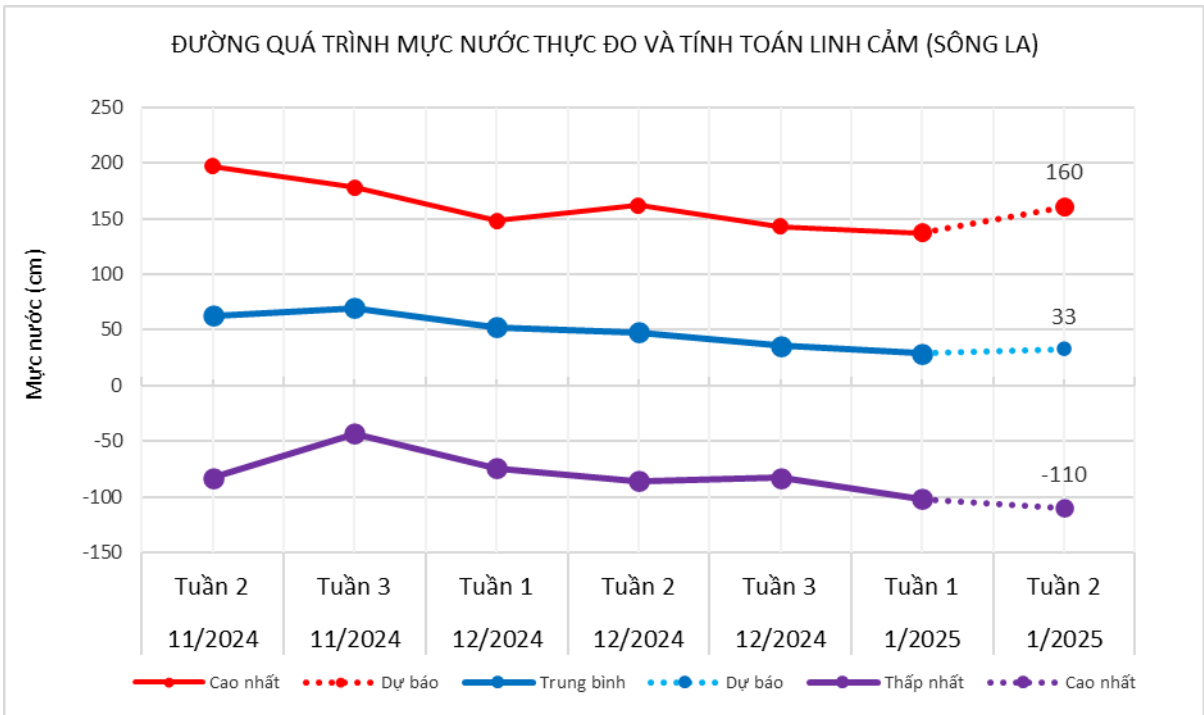
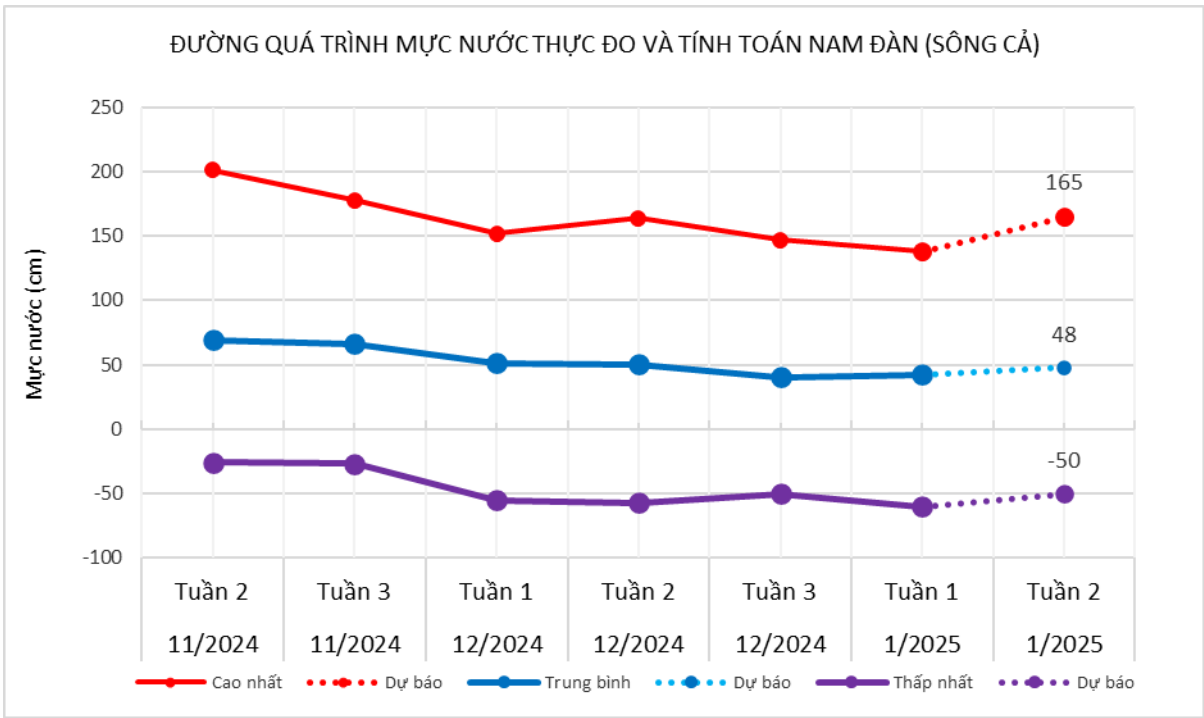
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tuần, thượng nguồn các sông trong khu vực biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 10 ngày tới, thượng nguồn các sông trong khu vực biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước





4. Khu vực Trung Trung Bộ

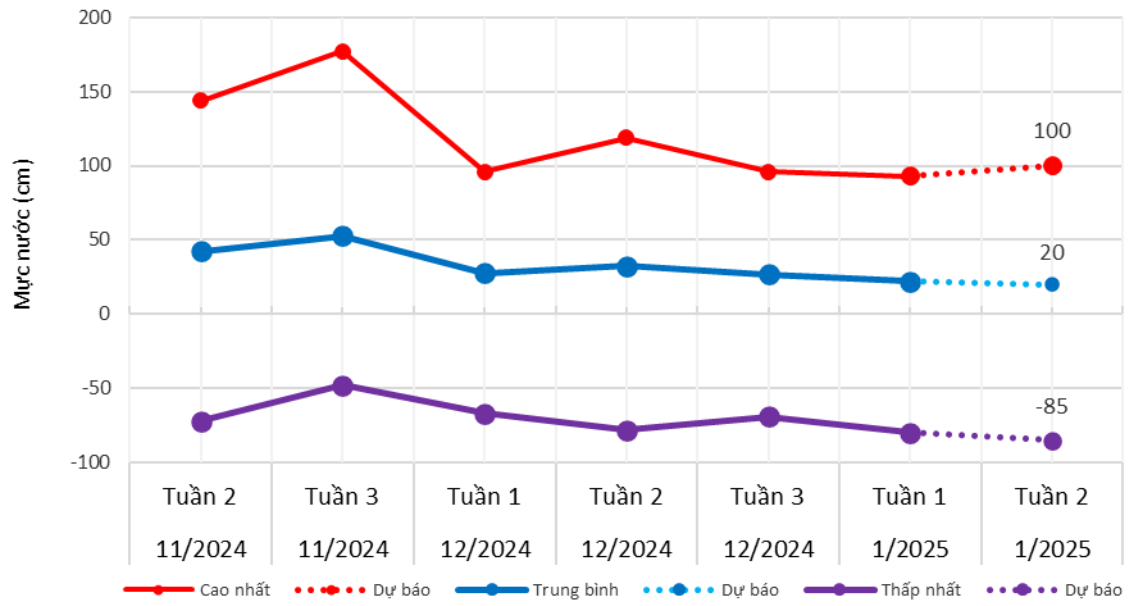
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tuần, mực nước trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi biến đổi chậm.

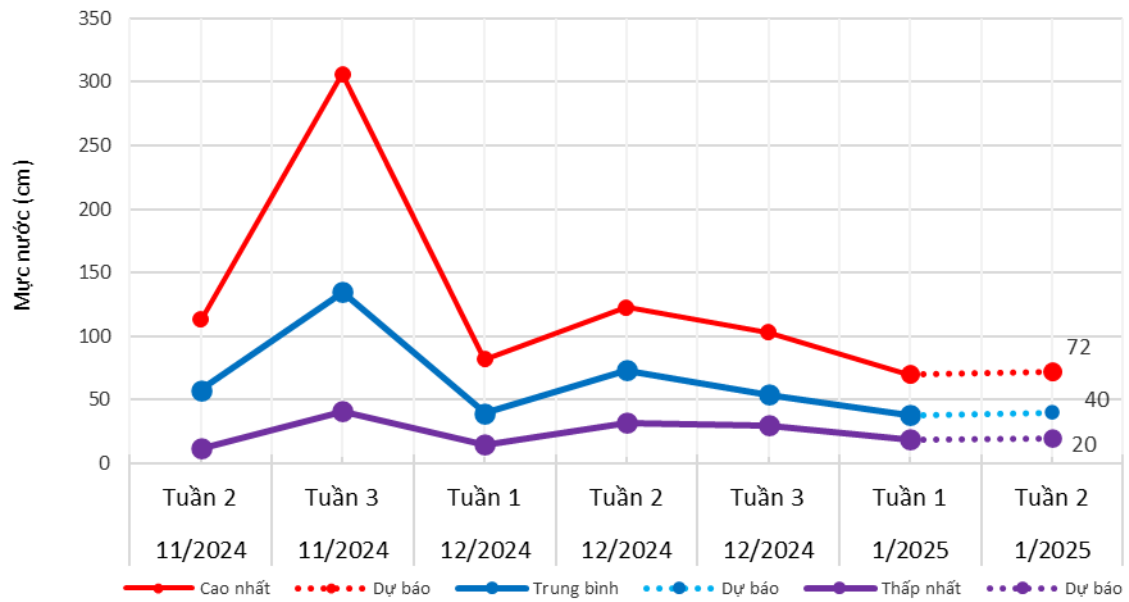
b. Dự báo, cảnh báo

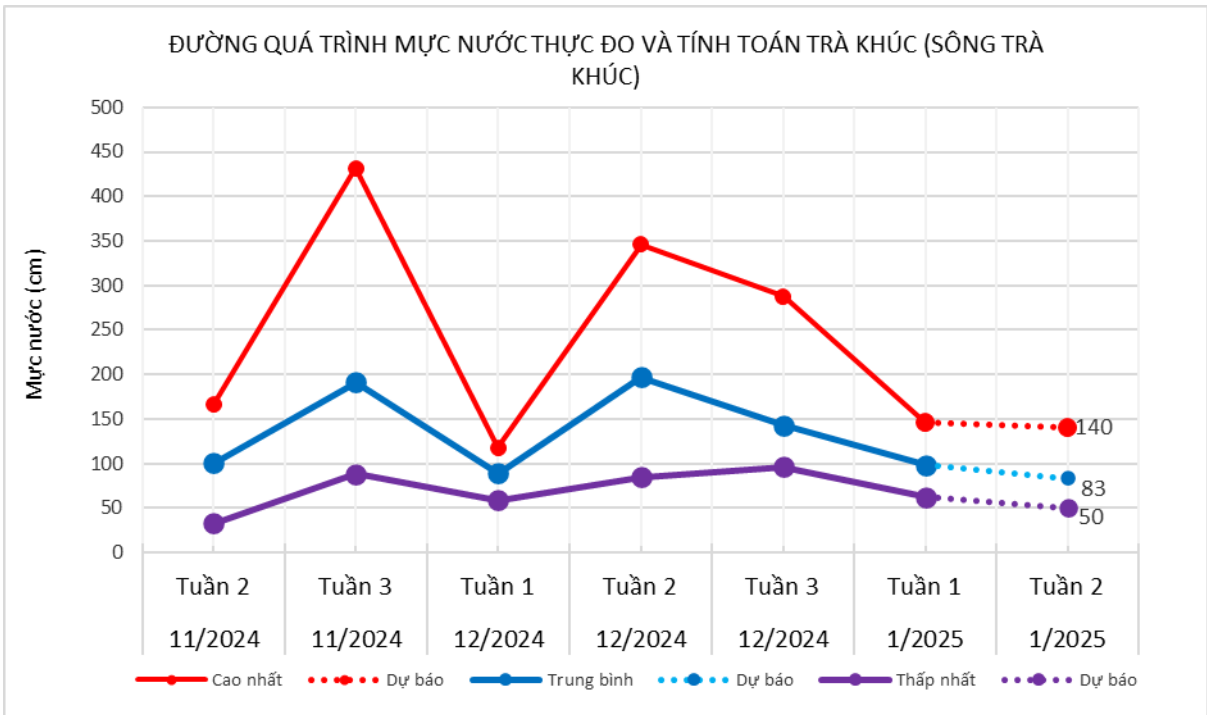
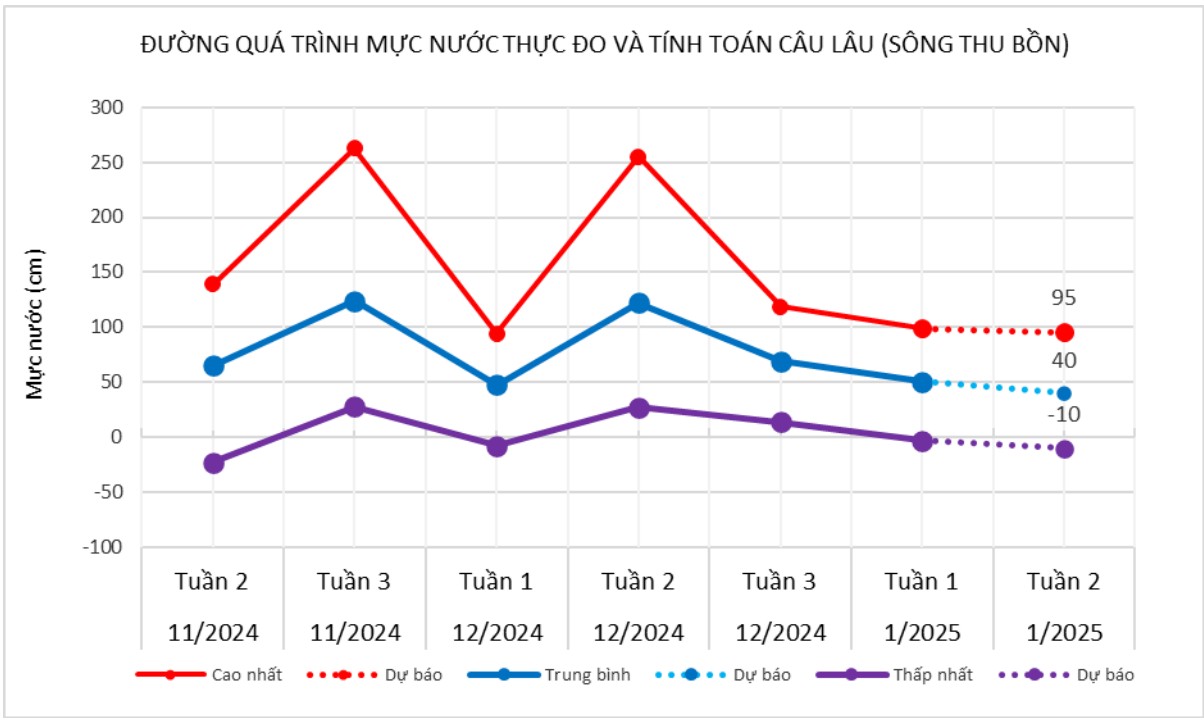
Trong tuần tới, mực nước trên trung, thượng lưu các sông Quảng Nam, Quảng Ngãi có khả năng có dao động, hạ lưu và các sông khác biến đổi chậm.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN MAI HÓA (SÔNG GIANH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)





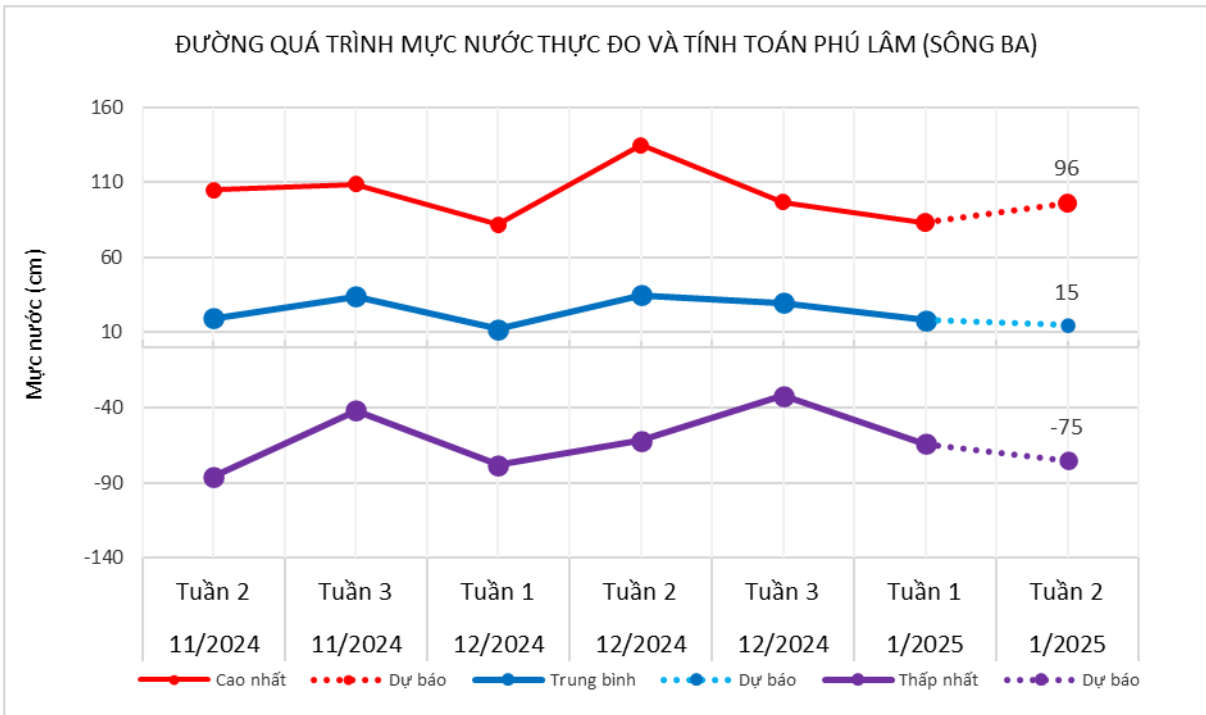
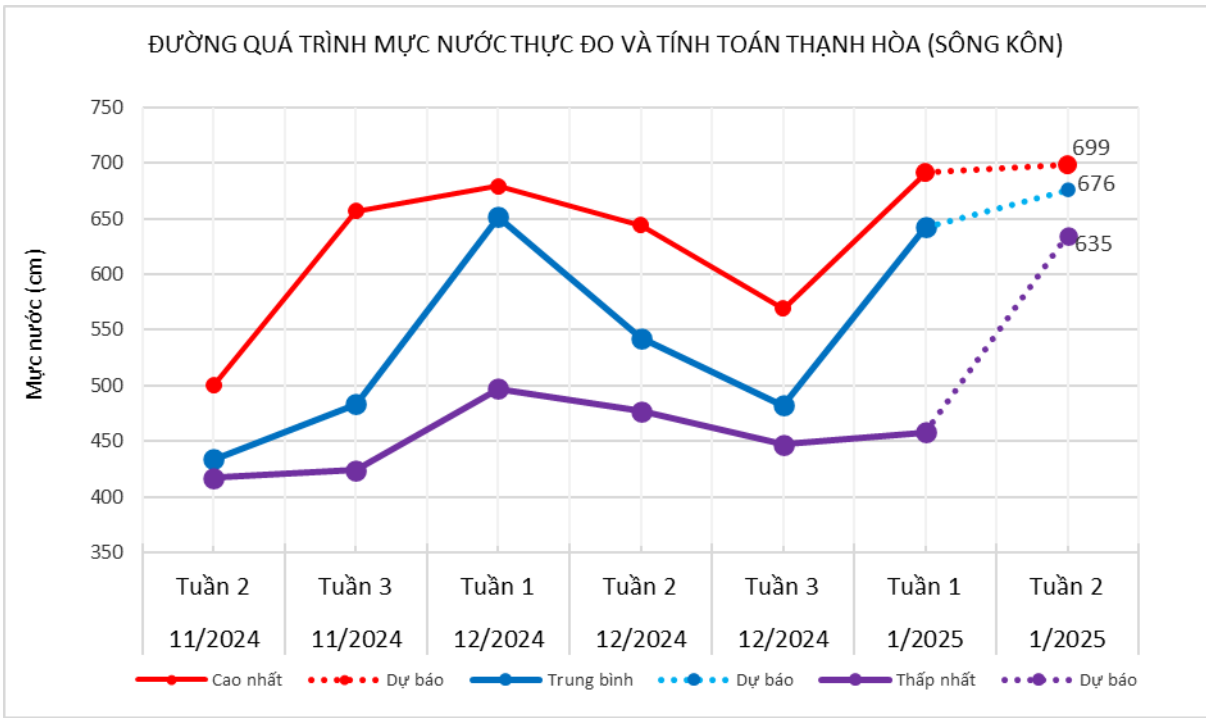
5. Khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên các sông từ Bình Định đến Khánh Hòa đã xuất hiện một đợt dao động nhỏ trong những ngày đầu, sau đó biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước các sông trên khu vực biến đổi chậm.



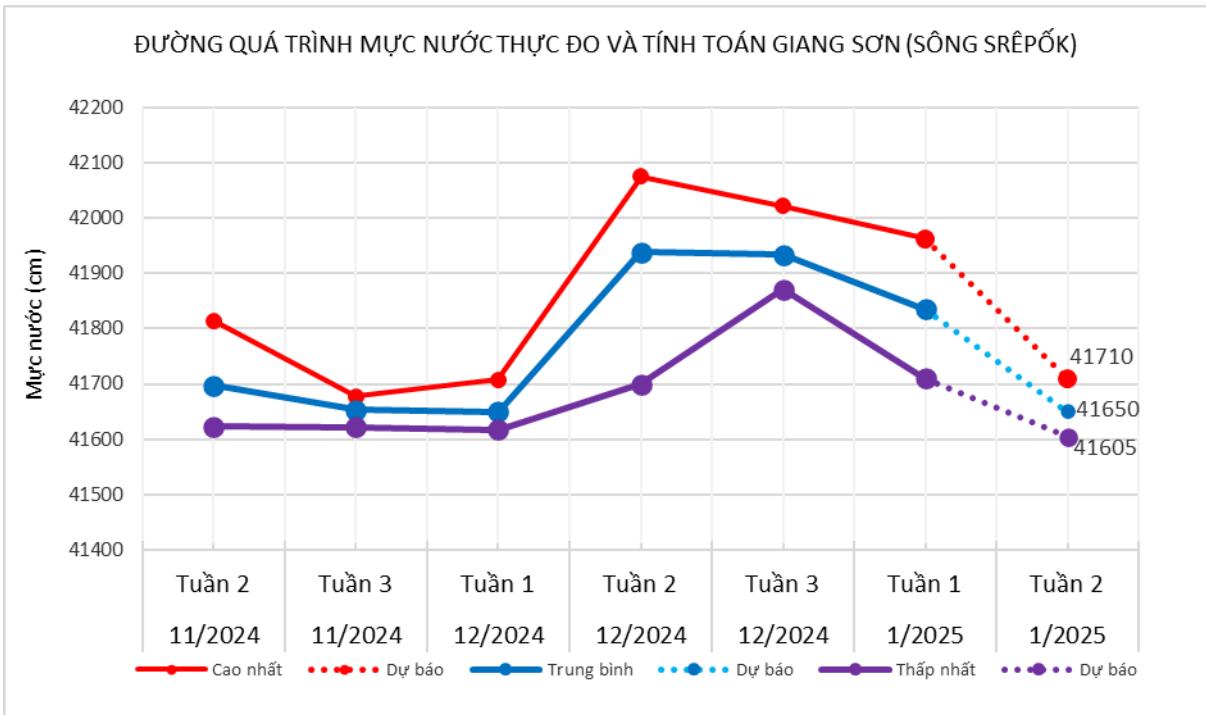
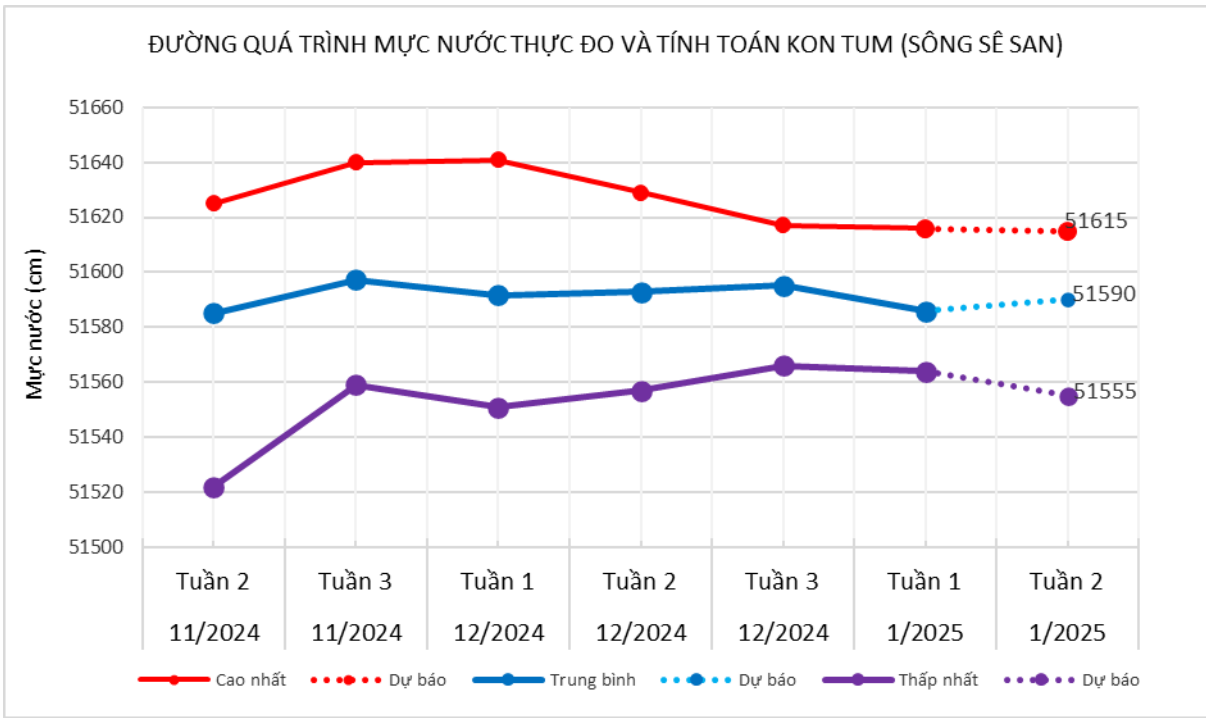
6. Khu vực Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi theo xu thế xuống dần, các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana tiếp tục xuống dần. Mức nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.



7. Khu vực Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

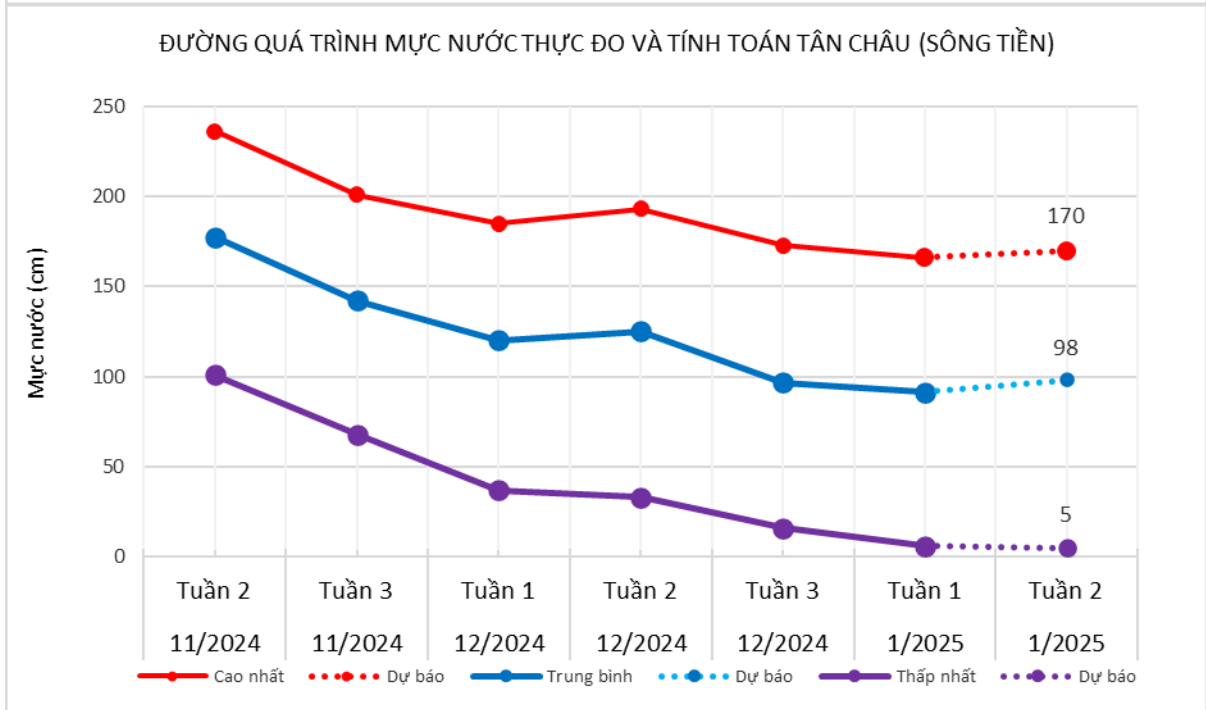
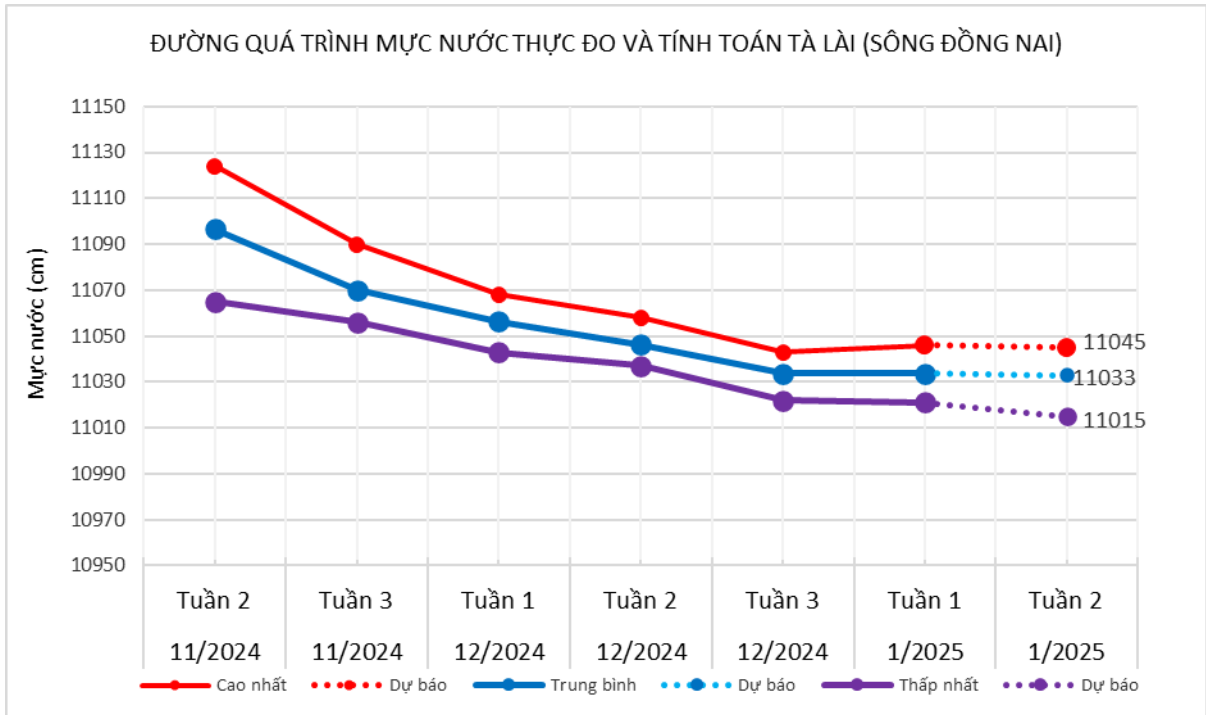
Mức nước sông Đồng Nai biến đổi chậm.

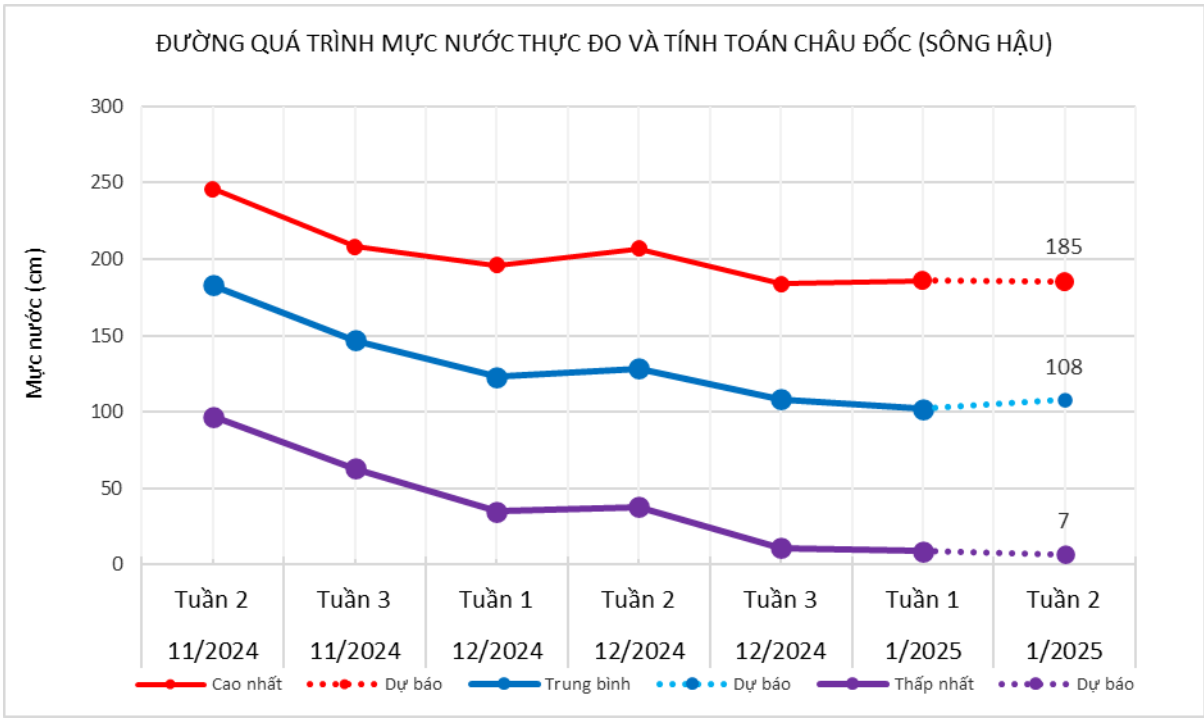
Mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,66m (ngày 02/01), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,86m (ngày 02/01).

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Đồng Nai biến đổi chậm.

Mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều. Mức nước cao nhất tuần tại Tân Châu ở mức 1,70m, tại Châu Đốc ở mức 1,85m. Trong 05 ngày tiếp theo, mức nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 21/01/2025

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	674	1992	40	650	1800	40	600	1700	40	625	1800	40
Thao	Yên Bái	2442	2521	2391	2420	2460	2390	2440	2480	2400	2430	2480	2390
Thao	Phú Thọ	1115	1173	1072	1075	1120	1050	1085	1130	1060	1080	1130	1050
Lô	Tuyên Quang	1260	1399	1151	1410	1480	1370	1330	1460	1200	1370	1480	1200
Lô	Vụ Quang	466	514	456	600	670	520	580	660	500	590	670	500
Cầu	Đáp Cầu	57	118	9	60	130	1	55	125	5	58	130	1
Thương	Phủ Lạng Thương	42	115	-20	50	120	-25	40	115	-20	45	120	-25
Lục Nam	Lục Nam	31	119	-36	35	125	-35	35	120	-35	35	125	-35
Hồng	Hà Nội	93	162	36	170	220	110	90	170	55	130	220	55
Hoàng Long	Bến Đẽ	29	80	-21	35	100	-25	25	90	-15	30	100	-25
Thái Bình	Phả Lại	49	130	-23	55	140	-30	45	130	-30	50	140	-30
Mã	Giàng	44	177	-106	52	205	-105	48	175	-85	50	205	-105
Cả	Nam Đàn	42	138	-60	50	165	-50	46	135	-40	48	165	-50

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
La	Linh cảm	29	137	-102	35	160	-110	31	135	-75	33	160	-110
Giang	Mai Hóa	21	90	-80	22	100	-85	18	85	-75	20	100	-85
Hương	Kim Long	37	70	19	42	72	25	38	60	20	40	72	20
Thu Bồn	Câu Lâu	50	99	-3	43	95	-5	36	75	-10	40	95	-10
Trà Khúc	Trà Khúc	98	146	62	85	140	55	80	120	50	83	140	50
Kôn	Thạnh Hòa	641	691	457	675	699	640	676	698	635	676	699	635
Đà Rằng	Phú Lâm	16	83	-64	15	95	-70	14	96	-75	15	96	-75
Đăkbla	Kon Tum	51586	51616	51564	51588	51610	51560	51592	51615	51555	51590	51615	51555
Krông Ana	Giang Sơn	41835	41962	41710	41675	41710	41650	41625	41650	41605	41650	41710	41605
Đồng Nai	Tà Lài	11034	11046	11021	11035	11045	11020	11030	11040	11015	11033	11045	11015
Tiền	Tân Châu	94	166	6	100	170	5	95	155	8	98	170	5
Hậu	Châu Đốc	104	186	9	110	185	7	105	170	10	108	185	7